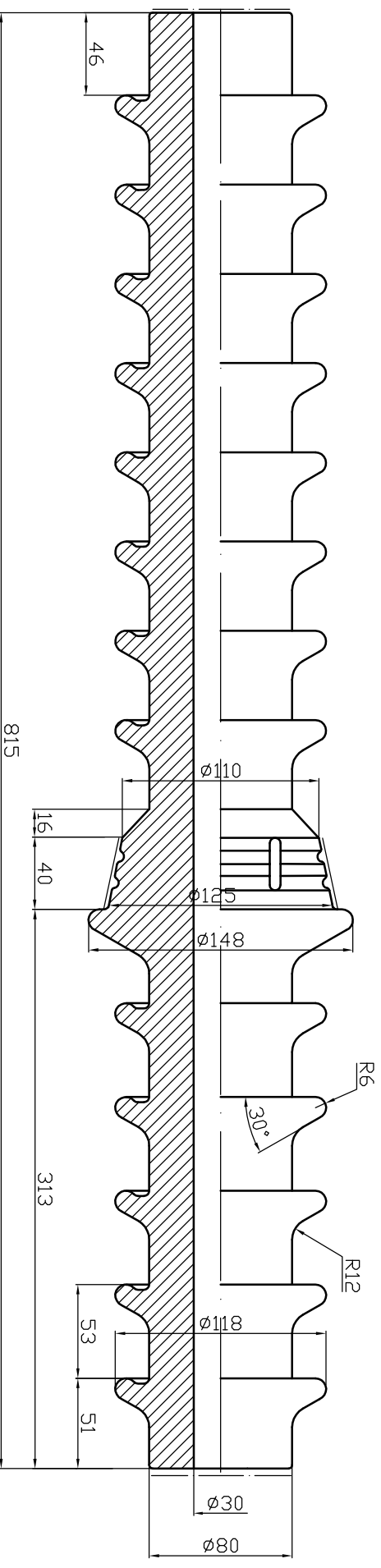


9. SXT 35.250



CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

- | | |
|---|-------|
| 1. Điện áp định mức (KV) | 35 |
| 2. Chiều dài đường dò (mm) | ≥ 600 |
| 3. Điện áp chịu đựng 50Hz khô (KV) | ≥ 110 |
| 4. Điện áp chịu đựng 50Hz ướt (KV) | ≥ 85 |
| 5. Điện áp chịu xung sét 1.2/50 μs (KV) | ≥ 200 |
| 6. Màu men trên sản phẩm | Nâu |
| 7. Dấu in trên sản phẩm | |

